TỔNG HỢP THIỆT HẠI DO ẢNH HƯỞNG MƯA LỚN

(Kèm theo Báo cáo số 129BC-BCH ngày 23/8/2026 của Ban Chỉ huy PTDS tỉnh)

STT	Xã/phường	Người	Nhà ở					Nông lâm nghiệp		Giáo dục (số cơ sở giáo dục)	Giao thông (ngập nước, bị chia cắt, cây đổ	Điểm sạt lở taluy	Thủy sản (ha)	Khác	Ghi chú (bổ sung thông tin người chết, người bị thương, bị mất tích và các nd chưa liệt kê trong bảng)
			Số hộ phải di dời (hộ)	Tốc mái (hộ)	Cây đổ vào nhà, sạt lở, sét đánh (hộ)	Công trình phụ (bếp, chuồng trại) (cái)	Nhà ngập (cái)	Nông nghiệp (ha)	Lâm nghiệp (ha)						
	TỔNG CỘNG	**1**	**1603**	**2**	**197**	**28**	**2398**	**1678,17**	**3,2**	**5**	**394**	**341**		**46**	
I	**Các đơn vị**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**34**	**98**		**0**	
I	Sở Xây dựng										34	98			quốc lộ 56 dương và 1 âm và 2 ngập; đường tỉnh 36 dương 5 âm và 34 điểm ngập
II	**Các xã, phường**	**1**	**1603**	**2**	**197**	**28**	**2398**	**1678,17**	**3,2**	**5**	**360**	**243**		**46**	
1	Kỳ Lừa		82				126	20					5 ao cá	2	1.295 hộ kinh doanh bị ảnh hưởng và thiệt hại
2	Đông Kinh		88		11	1	75	68,5			8				11 nhà bị sạt lở sau nhà;
3	Lương Văn Tri				1						4				1 hộ có nguy cơ sạt lở đã di dời
4	Mẫu Sơn	0			13	1	91	80			8	5	300kg cá hồi		Trong đó 30 hộ không kịp di dời; 50 hộ bị cô lập; 16 hộ có nguy cơ bị sạt lở taluy sau nhà cần phải di dời; Bò 02 con, Lợn 01 con, gia cầm 3.000 con, chết 2 bể cá hồi ; Đổ tường rào trụ sở công an xã chiều dài đổ 30m
5	Thống Nhất	0	35	0	11	1	35	119,5		0	5	7			Sạt lở sau nhà có 14 nhà khoảng 470m3 đất; 04 nhà bị sạt lở taluy âm khoảng 120m3; Sạt lở bờ ao cá TH trên 80%
6	Yên Bình		1					65			3				Tràn ngập 1,5 m; 39 hộ bị cô lập
7	Đình Lập		16		16	1		20			10	25			Nhà bị sạt lở và đổ bếp; 03cột điện
8	Thiện Tân				1						2				1 nhà có nguy cơ bị sạt lở
9	Ba Sơn				30	2	7	10			25				10 tấn các Tầm bị trôi
10	Thái Bình	1	3			4					3	1			1 ng chết do sạt lở đất ; 07 thôn bị cô lập cục bộ; 01 ô tô bán tải nhãn hiệu For Raptor bị trôi
11	Thuỵ Hùng				11			30			5	2			03 hộ bị sạt lở nhà; 02 điểm gt sạt taluy dương, ngập 03 cầu
12	Nhất Hòa		1		1			37			3				03 cầu ngầm tràn ngập
13	Cao Lộc				2	1		5			2	4			Cầu Nà Làn và Phai Phường bị ngập
14	Na Sầm		524		6		524			1	14			14	
15	Yên Phúc							25			6	3			01 xe máy bị nước cuốn trôi; 04 hộ Sạt lở taluy dương xuống sau nhà
16	Kiên Mộc	0			4	3	1	10			7				Có 7 điểm ngầm tràn đường tỉnh ĐT246 bị ngập và đã căng dây cảnh báo
17	Na Dương	0		0		1	23	130	0	0	9	8			234 hộ bị cô lập; sạt lở sau nhà làm đổ 1 góc bếp

STT	Xã/phường	Người		Nhà ở				Nông lâm nghiệp		Giáo dục (số cơ sở giáo dục)	Giao thông (ngập nước, bị chia cắt, cây đổ	Điểm sạt lở taluy	Thủy sản (ha)	Khác	Ghi chú (bổ sung thông tin người chết, người bị thương, bị mất tích và các nd chưa liệt kê trong bảng)
			Số hộ phải di dời (hộ)	Tốc mái (hộ)	Cây đổ vào nhà, sạt lở, sét đánh (hộ)	Công trình phụ (bếp, chuồng trại) (cái)	Nhà ngập (cái)	Nông nghiệp (ha)	Lâm nghiệp (ha)						
18	Khuất Xá	0	11	0	10	6	5				10				Chuồng lợn đổ làm chết 5 con lợn. 09 thôn bị cô lập
19	Cai Kinh							19,6			3			2	
20	Kháng Chiến										1				Bị sạt lở tuyến đường khoảng 10m3
21	Đồng Đăng				**5**	**2**		**6,288**		**3**	**3**	**11**			3 điểm ngập; 1 cây đổ; 05 nhà ở sạt taluy sau nhà, khối lượng sạt 60 m3; Ngập, vùi lấp 01 ao cá diện tích khoảng 600m2
22	Tri Lễ			1				59			2				Tràn bị ngập và sạt lở; 02 hộ bị sạt lở đằng sau nhà
23	Nhân Lý							7			16	2		4	04 điểm khu dân cư bị chia cắt; 05 hộ bị đất sạt vào đằng sau nhà
24	Khánh Khê					1		5,7				15			
25	Tuấn Sơn				7			26,88			18				07 hộ bị sạt lở; 29 hộ bị cô lập
26	Văn Quan						15	37,5							
27	Công Sơn				1	1		10			1	6		1	Sạt lở mương; 01 điểm gt bị sạt;01 ngầm ngập
28	Hoa Thám							10,5			2	2			Ngầm tràn Nà Sào
29	Lợi Bác		5				5	20			10	23			01 hộ có nguy cơ bị sạt lở; 05 hộ bị sạt lở đất đằng sau; bị đổ 02 cột (cột điện sắt)
30	Quan Sơn				3			3,5			14	6			Tràn bị ngập và 04 tuyến đường bị sạt lở taluy dương
31	Bằng Mạc				9		9	56			1				
32	Lộc Bình		10		3	2		30				4		2	Sạt lở kè Trụ sở Đảng ủy; Trạm bơm bị ngập; 19 nhà bị sạt lở đất đá xuống phía sau nhà ở
33	Chi Lăng						11	44			3				
34	Hội Hoan				3		302				12	2		12	Đang cập nhất nông nghiệp; 215 nhà có nguy cơ ngập; 06 nhà nguy cơ bị sạt lở; 12 cột điện bị đổ
35	Vân Nham		11					50			6	3			Sạt lở và ngập
36	Hoàng V Thụ		14		7		3	21			18	31			11 hộ sạt lở taluy sau nhà; 05 hộ nguy cơ sạt lở; 02 vị trí cột điện bị đổ, 01 vị trí cây đổ lên dây điện

STT	Xã/phường	Người		Nhà ở				Nông lâm nghiệp		Giáo dục (số cơ sở giáo dục)	Giao thông (ngập nước, bị chia cắt, cây đổ	Điểm sạt lở taluy	Thủy sản (ha)	Khác	Ghi chú (bổ sung thông tin người chết, người bị thương, bị mất tích và các nd chưa liệt kê trong bảng)
			Số hộ phải di dời (hộ)	Tốc mái (hộ)	Cây đổ vào nhà, sạt lở, sét đánh (hộ)	Công trình phụ (bếp, chuồng trại) (cái)	Nhà ngập (cái)	Nông nghiệp (ha)	Lâm nghiệp (ha)						
37	Tân Đoàn		2					17			1				1 Xóm bị cô lập
38	Hữu Liên		2				1	19			1				ngập tại khu vực Hố Con Voi; 01 hộ sạt lở đất sau nhà; 01 hộ nguy cơ nhà bị ngập
39	Quốc Việt						10				18	1	1,1		18 ngầm bị ngập
40	Bình Gia					1	6		0,2		2	2			16 con gia cầm
41	Tân Tiến				2			7,9			2	2			
42	Xuân Dương				5			5,8			1	10	0,1		0,1ha thuỷ sản
43	Chiến Thắng				21		6	143			16	12			21 nhà bị sạt sau nhà
44	Thiện Hòa							1,2			4	5		2	06 hộ gia đình có nguy cơ bị sạt ta luy dương sau nhà; 02 cầu dân sinh bị nước cuốn trôi
45	Hữu Lũng		18	1			29	45,2	2		13	3			03 sạt lở đất đồi đã cắm biển cảnh báo 1 sệ mái nhà; và sạt nở tường hoa bờ sân 15m
46	Tràng Định		5		6		450	60			2	4			Ngạp 02 ao cá
47	Châu Sơn				1						7	8			
48	Văn Lãng		20		1		6	18			9			2	14 hộ có nguy cơ bị ngập nước; 02 hộ bị đất đổ phía sau nhà
49	Điềm He		5				5	11,5		1	2				5 ao bị ngập
50	Hưng Vũ											2			Gây ách tắc GT
51	Quý Hòa										1	8			
52	Bắc Sơn							34,3			4			1	Sạt lở taluy dương sân Nhà văn hóa điểm xóm Thủy Hội
53	Hồng Phong							8				4		4	04 hộ bị sạt lở ta luy dương phía sau nhà, không ảnh hưởng đến nhà ở; khối lượng đất sạt lở ước khoảng từ 11 m^3 đến 12,5 m^3
54	Vũ Lễ							7,5							
55	Thiện Long										6				Bị ngập 6 sào luá và 8 sào ngô, 02 tuyến đường nguy cơ bị sạt lở
56	Thất Khê		750				650	250			3				80 nhà có nguy cơ bị ngập; Ngập 02 ngầm giao thông
57	Quốc Khánh				**5**		**1**	**20**			**3**	**7**			
58	Tam Thanh														
59	Tân Tri				1						8				
60	Vạn Linh						2	0,8				14			4 điểm dân cư bị chia cắt
61	Thiện Thuật							12.5				1	ao cá bị vỡ		
62	Tân Văn							**2**	**1**		**1**				
63	Đoàn Kết														
64	Tân THành										**22**				
65	Vũ Lăng														

Phụ lục II

NHU CẦU HỖ TRỢ VẬT TƯ, TRANG THIẾT BỊ, LƯƠNG THỰC PHỤC VỤ ỨNG PHÓ, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ BÃO SỐ 4 VÀ MƯA LỚN

(Kèm theo Báo cáo số 129 /BC-BCH ngày 23 /8/2026 của Ban Chỉ huy PTDS tỉnh Lạng Sơn)

TT	Tên vật chất	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Phao bè nhẹ loại nhẹ	500	Chiếc	
2	Phao Áo cứu sinh	3000	Chiếc	
3	Phao tròn cứu sinh	1000	Chiếc	
4	Nhà bạt cứu sinh các loại	30	Chiếc	
5	Xuồng máy ST450	8	Chiếc	đồng bộ
6	Máy đẩy (xuồng)	4	chiếc	
7	Xuồng bơm hơi cứu nạn	25	Chiếc	
8	Máy phát điện 5-30KVA	10	Chiếc	
9	Máy khoan cắt bê tông	10	Chiếc	
10	Thiết bị khoan cắt	15	Cái	
11	Máy cưa xích	15	Chiếc	
12	Aó mưa	300	Bộ	
13	Ủng	300	Đôi	
14	Mũ cối	300	Cái	
15	Đèn Pin	200	Cái	
16	Dây thừng cứu hộ	300	kg	
17	Loa cầm tay	10	Cái	
18	Đèn cảnh báo ban đêm	120	Cái	

TT	Tên vật chất	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
19	Flycam	5	Chiếc	
20	Hóa chất khử khuẩn, khử trùng xử lý nguồn nước	1000	Kg	
21	Hóa chất khử khuẩn làm sạch môi trường	1000	Lít	
22	Gạo tẻ	2000	Tấn	
23	Lương khô	8000	kg	